

**PHỤ LỤC 2**  
**DANH MỤC NGÀNH PHÙ HỢP VỚI NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

STT	Tên ngành đào tạo	Nhóm ngành có chuyên môn phù hợp	Nhóm ngành học bổ sung kiến thức	Các môn học bổ sung kiến thức
1	Mỹ thuật ứng dụng (8210410)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mỹ thuật ứng dụng;</li> <li>- Thiết kế công nghiệp;</li> <li>- Thiết kế nội thất;</li> <li>- Thiết kế đồ họa;</li> <li>- Thiết kế thời trang;</li> <li>- Thiết kế mỹ thuật SK-ĐA;</li> </ul> <p>Hoặc các ngành không có tên nêu trên nhưng chương trình đào tạo có độ tương đồng từ 90% trở lên so với chương trình đào tạo ngành Mỹ thuật ứng dụng của Trường Đại học Tôn Đức Thắng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lý luận, Lịch sử và Phê bình mỹ thuật;</li> <li>- Hội họa;</li> <li>- Đồ họa;</li> <li>- Điêu khắc;</li> <li>- Gốm;</li> <li>- ...</li> </ul> <p>Hoặc các ngành không có tên nêu trên nhưng chương trình đào tạo có độ tương đồng từ 60% trở lên so với chương trình đào tạo ngành Mỹ thuật ứng dụng của Trường Đại học Tôn Đức Thắng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tư duy thiết kế (2 tín chỉ);</li> <li>- Thiết kế ứng dụng (2 tín chỉ).</li> </ul> <p>Căn cứ bảng điểm tốt nghiệp đại học hoặc chứng chỉ học bổ sung kiến thức, Khoa chuyên môn sẽ xác định số môn học phải học bổ sung kiến thức.</p>
2	Xã hội học (8310301)	- Xã hội học.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các ngành thuộc lĩnh vực ngành Khoa học xã hội và hành vi (trừ ngành xã hội học);</li> <li>- Các ngành thuộc lĩnh vực ngành Báo chí và thông tin.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xã hội học đại cương (2 tín chỉ);</li> <li>- Lý thuyết Xã hội học (2 tín chỉ);</li> <li>- Phương pháp nghiên cứu Xã hội học (2 tín chỉ).</li> </ul> <p>Căn cứ bảng điểm tốt nghiệp đại học hoặc chứng chỉ học bổ sung kiến thức, Khoa chuyên môn sẽ xác định số môn học phải học bổ sung kiến thức.</p>
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các ngành thuộc khối tự nhiên, kỹ thuật, ngoại ngữ...</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xã hội học đại cương (2 tín chỉ);</li> <li>- Lý thuyết Xã hội học (2 tín chỉ);</li> </ul>

STT	Tên ngành đào tạo	Nhóm ngành có chuyên môn phù hợp	Nhóm ngành học bổ sung kiến thức	Các môn học bổ sung kiến thức
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương pháp nghiên cứu định lượng (2 tín chỉ);</li> <li>- Phương pháp nghiên cứu định tính (2 tín chỉ);</li> <li>- Xử lý và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu xã hội (2 tín chỉ);</li> <li>- Xử lý dữ liệu định tính (2 tín chỉ).</li> </ul> Căn cứ bảng điểm tốt nghiệp đại học hoặc chứng chỉ học bổ sung kiến thức, Khoa chuyên môn sẽ xác định số môn học phải học bổ sung kiến thức.
3	Quản trị kinh doanh (8340101)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản trị kinh doanh;</li> <li>- Marketing;</li> <li>- Bất động sản;</li> <li>- Kinh doanh quốc tế;</li> <li>- Kinh doanh thương mại;</li> <li>- Thương mại điện tử;</li> <li>- Kinh doanh thời trang và dệt may;</li> <li>- Quản trị nhân lực;</li> <li>- Hoặc các ngành không có tên nêu trên nhưng chương trình đào tạo có độ tương đồng từ 90% trở lên so với chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Tôn Đức Thắng.</li> </ul>	<b>Nhóm 01:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tài chính - Ngân hàng;</li> <li>- Bảo hiểm;</li> <li>- Kế toán;</li> <li>- Kiểm toán;</li> <li>- Khoa học quản lý;</li> <li>- Quản lý công;</li> <li>- Hệ thống thông tin quản lý;</li> <li>- Quản trị văn phòng;</li> <li>- Quan hệ lao động;</li> <li>- Quản lý dự án;</li> <li>- Hoặc các ngành không có tên nêu trên nhưng chương trình đào tạo có độ tương đồng từ 60% trở lên so với chương trình</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kinh tế vi mô (3 tín chỉ);</li> <li>- Kinh tế vĩ mô (3 tín chỉ);</li> <li>- Nguyên lý quản trị (3 tín chỉ);</li> <li>- Nguyên lý Marketing (3 tín chỉ);</li> <li>- Nguyên lý kế toán (3 tín chỉ);</li> <li>- Thống kê trong kinh doanh và kinh tế (3 tín chỉ);</li> <li>- Luật công ty (2 tín chỉ).</li> </ul> Căn cứ bảng điểm tốt nghiệp đại học hoặc chứng chỉ học bổ sung kiến thức, Khoa chuyên môn sẽ xác định số môn học phải học bổ sung kiến thức.

STT	Tên ngành đào tạo	Nhóm ngành có chuyên môn phù hợp	Nhóm ngành học bổ sung kiến thức	Các môn học bổ sung kiến thức
			<p>đào tạo ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Tôn Đức Thắng.</p> <p><b>Nhóm 02:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các ngành khoa học sự sống;</li> <li>- Các ngành sinh học ứng dụng;</li> <li>- Các ngành khoa học tự nhiên;</li> <li>- Các ngành toán và thống kê;</li> <li>- Các ngành kỹ thuật;</li> <li>- Các ngành sản xuất và chế biến;</li> <li>- Các ngành kiến trúc và xây dựng;</li> <li>- Các ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản;</li> <li>- Các ngành sức khỏe;</li> <li>- Các ngành khoa học xã hội và hành vi;</li> <li>- Các ngành Pháp luật;</li> <li>- Ngôn ngữ Anh;</li> <li>- Ngôn ngữ Pháp;</li> <li>- Ngôn ngữ Trung Quốc;</li> <li>- Ngôn ngữ Đức;</li> <li>- Ngôn ngữ Nhật;</li> <li>- Ngôn ngữ Hàn Quốc.</li> </ul> <p>Người có bằng tốt nghiệp đại học thuộc nhóm 2 dự tuyển chương trình định hướng ứng dụng phải có ít nhất hai năm kinh nghiệm làm việc được doanh nghiệp xác nhận.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Toán kinh tế (3 tín chỉ);</li> <li>- Xác suất thống kê (3 tín chỉ);</li> <li>- Kinh tế vi mô (3 tín chỉ);</li> <li>- Kinh tế vĩ mô (3 tín chỉ);</li> <li>- Nguyên lý quản trị (3 tín chỉ);</li> <li>- Nguyên lý Marketing (3 tín chỉ);</li> <li>- Nguyên lý kế toán (3 tín chỉ);</li> <li>- Thống kê trong kinh doanh và kinh tế (3 tín chỉ);</li> <li>- Luật công ty (2 tín chỉ).</li> </ul> <p>Căn cứ bảng điểm tốt nghiệp đại học hoặc chứng chỉ học bổ sung kiến thức, Khoa chuyên môn sẽ xác định số môn học phải học bổ sung kiến thức.</p>

STT	Tên ngành đào tạo	Nhóm ngành có chuyên môn phù hợp	Nhóm ngành học bổ sung kiến thức	Các môn học bổ sung kiến thức
4	Toán ứng dụng (8460112)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Toán học;</li> <li>- Toán ứng dụng;</li> <li>- Toán cơ;</li> <li>- Toán tin;</li> <li>- Khoa học tính toán;</li> <li>- Khoa học dữ liệu;</li> <li>- Thống kê;</li> <li>- Su phạm toán học;</li> <li>- Su phạm toán tin;</li> <li>- Các ngành không có tên nêu trên thì Khoa chuyên môn sẽ xem xét và xác định.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ học;</li> <li>- Toán kinh tế;</li> <li>- Thống kê kinh tế;</li> <li>- Vật lý học;</li> <li>- Su phạm Vật lý;</li> <li>- Khoa học máy tính;</li> <li>- Công nghệ thông tin;</li> <li>- Su phạm tin học;</li> <li>- Hoặc các ngành không có tên nêu trên nhưng chương trình đào tạo có độ tương đồng từ 60% trở lên so với chương trình đào tạo ngành Toán ứng dụng của Trường Đại học Tôn Đức Thắng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đại số tuyến tính (2 tín chỉ);</li> <li>- Giải tích hàm nhiều biến (2 tín chỉ);</li> <li>- Phương trình vi phân thường (2 tín chỉ);</li> <li>- Giải tích số (2 tín chỉ);</li> <li>- Giải tích hàm (3 tín chỉ).</li> </ul> <p>Căn cứ bảng điểm tốt nghiệp đại học hoặc chứng chỉ học bổ sung kiến thức, Khoa chuyên môn sẽ xác định số môn học phải học bổ sung kiến thức.</p>
5	Khoa học máy tính (8480101)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoa học máy tính;</li> <li>- Kỹ thuật phần mềm;</li> <li>- Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu;</li> <li>- Công nghệ thông tin;</li> <li>- Tin học;</li> <li>- Các ngành khác có tên nằm trong nhóm ngành Máy tính và Công nghệ thông tin theo danh mục các ngành đào tạo của giáo dục đại học của Bộ GD&amp;ĐT có hiệu lực hiện hành.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Toán tin;</li> <li>- Toán ứng dụng;</li> <li>- Khoa học tính toán;</li> <li>- Khoa học dữ liệu;</li> <li>- Các ngành khác mà trong bảng điểm tốt nghiệp đại học có các môn học liên quan đến lập trình máy tính sẽ được Khoa chuyên môn xác định.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương pháp lập trình (3 tín chỉ);</li> <li>- Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (3 tín chỉ);</li> <li>- Cấu trúc rời rạc (3 tín chỉ);</li> <li>- Hệ cơ sở dữ liệu (3 tín chỉ).</li> </ul> <p>Căn cứ bảng điểm tốt nghiệp đại học hoặc chứng chỉ học bổ sung kiến thức, Khoa chuyên môn sẽ xác định số môn học phải học bổ sung kiến thức.</p>

STT	Tên ngành đào tạo	Nhóm ngành có chuyên môn phù hợp	Nhóm ngành học bổ sung kiến thức	Các môn học bổ sung kiến thức
6	Kỹ thuật môi trường (8520320)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ thuật môi trường;</li> <li>- Công nghệ môi trường;</li> <li>- Công nghệ kỹ thuật môi trường (bằng TNĐH do Trường Đại học Tôn Đức Thắng cấp);</li> <li>- Khoa học môi trường (bằng TNĐH do Trường Đại học Tôn Đức Thắng cấp).</li> </ul>	<p><b>Nhóm 1:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảo hộ lao động;</li> <li>- Kỹ thuật hóa học;</li> <li>- Kỹ thuật hóa dầu và lọc dầu;</li> <li>- Kỹ thuật vật liệu;</li> <li>- Luyện kim và môi trường;</li> </ul> <p>- Hoặc các ngành không có tên nêu trên nhưng chương trình đào tạo có độ tương đồng từ 60% trở lên so với chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật môi trường của Trường Đại học Tôn Đức Thắng.</p> <p><b>Nhóm 2:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công nghệ sinh học;</li> <li>- Sinh học;</li> <li>- Nông nghiệp;</li> <li>- Lâm nghiệp;</li> <li>- Chế biến lương thực – thực phẩm và đồ uống;</li> <li>- Nuôi trồng thủy sản;</li> <li>- Quản lý đất đai;</li> <li>- Các ngành xây dựng;</li> <li>- Quan hệ lao động;</li> </ul> <p>Yêu cầu phải có ít nhất hai năm kinh nghiệm (tính từ ngày tốt nghiệp đại học đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển) trong lĩnh vực môi trường.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vi sinh vật nước thải (45 tiết, tương ứng 3 TC);</li> <li>- Phân tích môi trường (45 tiết, tương ứng 3 TC);</li> <li>- Quá trình công nghệ môi trường (45 tiết, tương ứng 3 TC).</li> </ul> <p>Căn cứ bảng điểm tốt nghiệp đại học hoặc chứng chỉ học bổ sung kiến thức, Khoa chuyên môn sẽ xác định số môn học phải học bổ sung kiến thức.</p>

STT	Tên ngành đào tạo	Nhóm ngành có chuyên môn phù hợp	Nhóm ngành học bổ sung kiến thức	Các môn học bổ sung kiến thức
7	Kỹ thuật xây dựng (8580201)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ thuật xây dựng;</li> <li>- Kỹ thuật xây dựng công trình thủy;</li> <li>- Kỹ thuật xây dựng công trình biển;</li> <li>- Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông;</li> <li>- Kỹ thuật cơ sở hạ tầng;</li> <li>- Hoặc các ngành không có tên nêu trên nhưng chương trình đào tạo có độ tương đồng từ 90% trở lên so với chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng của Trường Đại học Tôn Đức Thắng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kinh tế xây dựng;</li> <li>- Quy hoạch vùng và đô thị;</li> <li>- Quản lý đô thị và công trình</li> <li>- Quản lý xây dựng;</li> <li>- Địa kỹ thuật xây dựng;</li> <li>- Kỹ thuật tài nguyên nước;</li> <li>- Kỹ thuật cấp thoát nước;</li> <li>- Vật liệu xây dựng;</li> <li>- Hoặc các ngành không có tên nêu trên nhưng chương trình đào tạo có độ tương đồng từ 60% trở lên so với chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng của Trường Đại học Tôn Đức Thắng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sức bền vật liệu (3 tín chỉ);</li> <li>- Cơ học kết cấu (3 tín chỉ);</li> <li>- Kết cấu thép (3 tín chỉ).</li> </ul> <p>Căn cứ bảng điểm tốt nghiệp đại học hoặc chứng chỉ học bổ sung kiến thức, Khoa chuyên môn sẽ xác định số môn học phải học bổ sung kiến thức.</p>